

Số: 415/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 25 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục lĩnh vực, nhóm ngành thu hút  
nguồn nhân lực và Danh mục chuyên ngành đào tạo sau đại học  
năm 2025 của tỉnh Tây Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và  
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của  
Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày  
01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,  
viên chức;*

*Căn cứ Quyết định 1944/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của UBND  
tỉnh Tây Ninh ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất  
lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa X, kỳ họp thứ 6 về Chính sách thu hút, hỗ  
trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ công chức, viên  
chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Tây Ninh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 72/TTr-SNV ngày 23  
tháng 01 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục lĩnh vực, nhóm ngành thu hút nguồn nhân lực; Danh mục chuyên ngành đào tạo sau đại học năm 2025 của tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.** Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về việc xác định đúng nhu cầu thu hút nguồn nhân lực, bảo đảm nguồn lực sau thu hút đạt chất lượng, đáp ứng nhu cầu, sử dụng mang lại hiệu quả cao.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phổ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTCTU;
- LĐVP; Phòng NC;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Thanh

**DANH MỤC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh)

| STT                                                                                              | Chuyên ngành đào tạo                                     | Trình độ           | Chỉ tiêu | Cơ quan/đơn vị                               | Vị trí việc làm                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------|----------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>A. ĐÀO TẠO THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1944/QĐ-UBND (1) &amp; ĐIỀU 9 NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2022/NQ-HĐND</b> |                                                          |                    |          |                                              |                                              |
| <b>I. Trình độ tiến sĩ</b>                                                                       |                                                          |                    |          |                                              |                                              |
| 1                                                                                                | Quản lý giáo dục                                         | Tiến sĩ            | 1        | Trường THCS Nguyễn Văn Ấn-UBND huyện Bến Cầu | Hiệu trưởng                                  |
| 2                                                                                                | Luật                                                     | Tiến sĩ            | 1        | Thanh tra - Sở Kế hoạch và Đầu tư            | Thanh tra viên                               |
| 3                                                                                                | Quản lý giáo dục                                         | Tiến sĩ            | 1        | Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh - Sở GD&ĐT  | Hiệu trưởng                                  |
| 4                                                                                                | Quản lý giáo dục                                         | Tiến sĩ            | 1        | Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh - Sở GD&ĐT  | Phó Trưởng khoa                              |
| 5                                                                                                | Giáo dục học                                             | Tiến sĩ            | 1        | Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh - Sở GD&ĐT  | Trưởng khoa                                  |
| 6                                                                                                | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán               | Tiến sĩ            | 1        | Trường THPT Tân Châu - Sở GD&ĐT              | Giáo viên THPT hạng III                      |
| 7                                                                                                | Quyền con người                                          | Tiến sĩ            | 1        | Trường Chính trị tỉnh                        | Phó Hiệu trưởng                              |
| 8                                                                                                | Quản lý công                                             | Tiến sĩ            | 2        | Trường Chính trị tỉnh                        | - Trưởng Khoa NNPL<br>- Phó trưởng Khoa NNPL |
| 9                                                                                                | Chủ nghĩa duy vật biện chứng & Chủ nghĩa duy vật lịch sử | Tiến sĩ            | 1        | Trường Chính trị tỉnh                        | Giảng viên                                   |
| 10                                                                                               | Lịch sử Đảng                                             | Tiến sĩ            | 2        | Trường Chính trị tỉnh                        | Giảng viên                                   |
| 11                                                                                               | Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước                    | Tiến sĩ            | 2        | Trường Chính trị tỉnh                        | Giảng viên                                   |
| 12                                                                                               | Chính trị học                                            | Tiến sĩ            | 1        | Đảng uỷ Khối CQ và DN tỉnh                   | PBT ĐUK CQ và DN tỉnh                        |
| 13                                                                                               | Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm                      | Tiến sĩ            | 1        | Công an tỉnh                                 | Trưởng CA tp Tây Ninh                        |
| <b>II. Chuyên khoa cấp II (bác sĩ)</b>                                                           |                                                          |                    |          |                                              |                                              |
| 1                                                                                                | Quản lý y tế                                             | CK cấp II (bác sĩ) | 1        | Bệnh viện Lao và bệnh phổi - Sở Y tế         | PGĐ, Bệnh viện Lao và bệnh phổi              |
| 2                                                                                                | Quản lý y tế                                             | CK cấp II (bác sĩ) | 1        | TTYT huyện Bến Cầu - Sở Y tế                 | PGĐ, TTYT huyện Bến Cầu                      |
| <b>III. Trình độ thạc sĩ các ngành/Chuyên khoa cấp I (bác sĩ)</b>                                |                                                          |                    |          |                                              |                                              |
| 1                                                                                                | Quản lý công                                             | Thạc sĩ            | 1        | UBND xã Suối Đá, UBND huyện DMC              | CC.VP-TK xã                                  |
| 2                                                                                                | Quản lý công                                             | Thạc sĩ            | 1        | UBND xã Bến Củi, UBND huyện DMC              | Chủ tịch UBND xã                             |



|    |                                       |                   |   |                                                                                 |                                                                          |
|----|---------------------------------------|-------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 3  | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Văn phòng HĐND-UBND huyện Tân Châu                                              | Phó Chánh Văn phòng                                                      |
| 4  | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Phòng Nội vụ - UBND huyện Tân Châu                                              | Chuyên viên                                                              |
| 5  | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | UBND xã Phước Đông - UBND huyện Gò Dầu                                          | Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh                                             |
| 6  | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 2 | Tỉnh Đoàn                                                                       | Lãnh đạo quản lý                                                         |
| 7  | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Ban Tuyên giáo Thị ủy Hòa Thành                                                 | Chuyên viên về CT Tuyên giáo                                             |
| 8  | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Huyện Đoàn Gò Dầu                                                               | Bí thư Huyện Đoàn                                                        |
| 9  | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Trung tâm Chính trị huyện Bến Cầu                                               | Giảng viên chuyên trách                                                  |
| 10 | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Ban Tổ chức Huyện ủy Bến Cầu                                                    | Chuyên viên Tổ chức xây dựng Đảng                                        |
| 11 | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Văn phòng HĐND và UBND huyện Tân Biên                                           | Chuyên viên về tham mưu tổng hợp chuyên ngành                            |
| 12 | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Đảng ủy Khối CQ và DN tỉnh                                                      | Chuyên viên Ban Tổ chức BTC ĐUK CQ và DN tỉnh                            |
| 13 | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Văn phòng Đoàn ĐBQH& HĐND tỉnh                                                  | Chuyên viên tham mưu Tổng hợp về chuyên ngành                            |
| 14 | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 1 | Trung tâm Bảo trợ xã hội và Điều dưỡng Người có công tỉnh Tây Ninh, Sở LĐ-TB&XH | Phó Giám đốc Trung tâm                                                   |
| 15 | Quản lý công                          | Thạc sĩ           | 2 | Phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ                                                | Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực                                    |
| 16 | Hành chính công; Chính sách công      | Thạc sĩ           | 1 | Huyện ủy Dương Minh Châu                                                        | Chuyên viên Ủy ban MTTQVN huyện DMC                                      |
| 17 | Triết học                             | Thạc sĩ           | 1 | Tỉnh Đoàn                                                                       | Lãnh đạo quản lý                                                         |
| 18 | Triết học                             | Thạc sĩ           | 1 | Văn phòng HĐND và UBND huyện Tân Biên                                           | Chuyên viên về công tác dân tộc                                          |
| 19 | Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước | Thạc sĩ           | 1 | Thành ủy thành phố Tây Ninh                                                     | Ủy viên UBKT Thành ủy Tây Ninh                                           |
| 20 | Xây dựng Đảng - Chính quyền nhà nước  | Thạc sĩ           | 1 | UBND xã Truông Mít, huyện DMC                                                   | Bí thư Đoàn thanh niên                                                   |
| 21 | Chăn nuôi                             | Thạc sĩ           | 1 | Trung tâm Khuyến nông                                                           | Khuyến nông viên                                                         |
| 22 | Lâm học                               | Thạc sĩ           | 1 | Chi cục Kiểm lâm                                                                | Kiểm lâm viên                                                            |
| 23 | Quản lý đất đai                       | Thạc sĩ           | 1 | Văn phòng HĐND và UBND huyện Tân Biên                                           | Chuyên viên về tham mưu tổng hợp chuyên ngành (lĩnh vực quản lý đất đai) |
| 24 | Quản lý đất đai                       | Thạc sĩ           | 1 | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Sở TN&MT                                       | Giám đốc chi nhánh                                                       |
| 25 | Bệnh truyền nhiễm                     | CK cấp I (bác sĩ) | 1 | Sở Y tế                                                                         | Khoa Hồi sức cấp cứu, TTYT Thành phố Tây Ninh                            |

|    |                        |                      |   |         |                                                                    |
|----|------------------------|----------------------|---|---------|--------------------------------------------------------------------|
| 26 | Bệnh truyền nhiễm      | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Nhiễm, BVĐK Tây Ninh                                          |
| 27 | Chẩn đoán hình ảnh     | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Xét nghiệm - CDHA,<br>TTYT Thành phố TN                       |
| 28 | Chẩn đoán hình ảnh     | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Chẩn đoán hình ảnh,<br>BVĐK Tây Ninh                          |
| 29 | Chấn thương chỉnh hình | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại CTCH, BVĐK Tây<br>Ninh                                  |
| 30 | Chấn thương chỉnh hình | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Cấp cứu, BVĐK Tây Ninh                                        |
| 31 | Da liễu                | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Khám bệnh - Liên chuyên<br>khoa TTYT TX Hoà Thành             |
| 32 | Da liễu                | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa KSBT & HIV/AIDS<br>TTYT huyện Tân Biên                        |
| 33 | Da liễu                | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Khám bệnh, BVĐK Tây<br>Ninh                                   |
| 34 | Gây mê hồi sức         | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Phẫu thuật Gây mê Hồi<br>sức, BVĐK Tây Ninh                   |
| 35 | Gây mê hồi sức         | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Truyền nhiễm, Trung tâm<br>Y tế thị xã Trảng Bàng             |
| 36 | Gây mê hồi sức         | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại - GMHS TTYT<br>huyện Tân Biên                           |
| 37 | Giải phẫu bệnh         | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Xét nghiệm - Giải phẫu<br>bệnh lý, BVĐK Tây Ninh              |
| 38 | Hồi sức cấp cứu        | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại<br>tổng hợp, TTYT huyện Châu<br>Thành |
| 39 | Hồi sức cấp cứu        | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Hồi sức cấp cứu, TTYT<br>huyện Gò Dầu                         |
| 40 | Hồi sức cấp cứu        | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Hồi sức cấp cứu, Trung<br>tâm Y tế thị xã Trảng Bàng          |
| 41 | Hồi sức cấp cứu        | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại TH, Trung tâm Y tế<br>thị xã Trảng Bàng                 |
| 42 | Hồi sức cấp cứu        | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 2 | Sở Y tế | Khoa Hồi sức cấp cứu, Trung<br>tâm Y tế huyện Tân Châu             |
| 43 | Lão khoa               | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Nội tổng hợp-Nhi-Truyền<br>nhiễm, TTYT Thành phố TN           |
| 44 | Lão khoa               | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Nội Cán bộ (Nội A) -<br>BVĐK Tây Ninh                         |
| 45 | Lão khoa               | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Nội tim mạch (Nội C-),<br>BVĐK Tây Ninh                       |
| 46 | Ngoại khoa             | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại Tổng quát, BVĐK<br>Tây Ninh                             |
| 47 | Ngoại khoa             | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại Tổng quát, BVĐK<br>Tây Ninh                             |
| 48 | Ngoại khoa             | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại Tổng quát, BVĐK<br>Tây Ninh                             |



|    |               |                      |   |         |                                                                    |
|----|---------------|----------------------|---|---------|--------------------------------------------------------------------|
| 49 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại<br>tổng hợp- TTYT huyện DMC           |
| 50 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại<br>tổng hợp, TTYT huyện Châu<br>Thành |
| 51 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa khám bệnh - LCK, Trung<br>tâm Y tế huyện Gò Dầu               |
| 52 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại TH, Trung tâm Y tế<br>thị xã Trảng Bàng                 |
| 53 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại tổng hợp - TTYT<br>huyện Tân Châu                       |
| 54 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại tổng hợp - TTYT<br>TX Hoà Thành                         |
| 55 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Phó Khoa Ngoại- TTYT huyện<br>Tân Châu                             |
| 56 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Viên chức khoa Ngoại - TTYT<br>huyện Tân Châu                      |
| 57 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Viên chức TT Pháp Y                                                |
| 58 | Ngoại khoa    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Ngoại Tổng quát, BVĐK<br>Tây Ninh                             |
| 59 | Nhân khoa     | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa khám bệnh- LCK, TTYT<br>huyện Dương Minh Châu                 |
| 60 | Nhân khoa     | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa khám bệnh - LCK, TTYT<br>huyện Gò Dầu                         |
| 61 | Nhân khoa     | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Khám bệnh - LCK, Trung<br>tâm Y tế thị xã Trảng Bàng          |
| 62 | Nhân khoa     | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa khám bệnh -LCK, TTYT<br>Thành phố TN                          |
| 63 | Nhân khoa     | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Khám bệnh - Liên chuyên<br>khoa TTYT TX Hoà Thành             |
| 64 | Nhân khoa     | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Khám bệnh - LCK TTYT<br>huyện Tân Biên                        |
| 65 | Nhi khoa      | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Nội Nhi TTYT huyện Tân<br>Biên                                |
| 66 | Nhi khoa      | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Nhi, BVĐK Tây Ninh                                            |
| 67 | Nội khoa      | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại<br>tổng hợp, TTYT huyện Châu<br>Thành |
| 68 | Nội khoa      | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Khám bệnh - Liên chuyên<br>khoa, TTYT huyện Châu Thành        |
| 69 | Nội khoa      | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Phòng Khám - Trung tâm Giám<br>định Y khoa TN                      |
| 70 | Nội thần kinh | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | Khoa Cấp cứu- BVĐK Tây Ninh                                        |
| 71 | Nội tiết      | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế | khoa Nội-Nhi- truyền nhiễm,<br>TTYT huyện Châu Thành               |

|    |                    |                      |   |              |                                                                         |
|----|--------------------|----------------------|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 72 | Nội tiết           | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa khám bệnh -LCK, TTYT<br>Thành phố TN                               |
| 73 | Nội tiết           | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Khám và quản lý sức khỏe<br>cán bộ, BVĐK Tây Ninh                  |
| 74 | Nội tiết           | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Khám bệnh, BVĐK Tây<br>Ninh                                        |
| 75 | Phục hồi chức năng | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Khám bệnh đa khoa-cấp<br>cứu, Bệnh viện Phục hồi chức<br>năng      |
| 76 | Răng hàm mặt       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | TYT Phường Trảng Bàng,<br>Trung tâm Y tế thị xã Trảng<br>Bàng           |
| 77 | Răng hàm mặt       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Liên chuyên khoa, BVĐK<br>Tây Ninh                                 |
| 78 | Sản phụ khoa       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa khám bệnh - LCK, Trung<br>tâm Y tế huyện Gò Dầu                    |
| 79 | Sản phụ khoa       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh<br>sản, Trung tâm Y tế thị xã<br>Trảng Bàng |
| 80 | Sản phụ khoa       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Sản - TTYT huyện Tân<br>Châu                                       |
| 81 | Sản phụ khoa       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa CSSKSS- DS, TTYT<br>Thành phố TN                                   |
| 82 | Sản phụ khoa       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Sản, BVĐK Tây Ninh                                                 |
| 83 | Sản phụ khoa       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Sản, BVĐK Tây Ninh                                                 |
| 84 | Tai Mũi Họng       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Khám bệnh - LCK, TTYT<br>huyện Châu Thành                          |
| 85 | Tai Mũi Họng       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Khám bệnh, TTYT<br>Thành phố TN                                    |
| 86 | Tai Mũi Họng       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Liên chuyên khoa- BVĐK<br>Tây Ninh                                 |
| 87 | Tai Mũi Họng       | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Khám bệnh - LCK, Trung<br>tâm Y tế thị xã Trảng Bàng               |
| 88 | Tâm thần           | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Khám bệnh, TTYT Thành<br>phố TN                                    |
| 89 | Tâm thần           | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa Nội Nhi TTYT huyện Tân<br>Biên                                     |
| 90 | Y học cổ truyền    | CK cấp I<br>(bác sĩ) | 1 | Sở Y tế      | Khoa YHCT-PHCN- TTYT<br>huyện Tân Biên                                  |
| 91 | Y học cổ truyền    | Thạc sĩ              | 1 | Sở Y tế      | Giáo viên - Trường TCYT                                                 |
| 92 | Y học dự phòng     | Thạc sĩ              | 1 | Sở Y tế      | Khoa KSBT và HIV/AIDS-<br>YTCC và DD-ATTP, TTYT<br>Thành phố TN         |
| 93 | Tai, mũi, họng     | Thạc sĩ              | 1 | Công an tỉnh | Phòng Hậu cần - CA tỉnh Tây<br>Ninh                                     |



**B. KHUYẾN KHÍCH TỰ ĐÀO TẠO & THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO ĐIỀU 10 NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2022/NQ-HĐND (2)**

| STT | Chuyên ngành đào tạo | Trình độ | Chỉ tiêu | Cơ quan/đơn vị                                                   | Vị trí việc làm                                                                               |
|-----|----------------------|----------|----------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Luật                 | Thạc sĩ  | 1        | UBND xã Chà Lả, huyện DMC                                        | Phó Chủ tịch UBND xã                                                                          |
| 2   | Luật                 | Thạc sĩ  | 1        | Thanh tra huyện DMC                                              | Phó Chánh Thanh tra                                                                           |
| 3   | Luật                 | Thạc sĩ  | 1        | Ban Tổ chức Thành ủy Tây Ninh                                    | Chuyên viên về CTXD Đảng                                                                      |
| 4   | Luật                 | Thạc sĩ  | 1        | Đảng ủy Phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh                    | Phó Bí thư Đảng ủy                                                                            |
| 5   | Luật                 | Thạc sĩ  | 1        | Ban Tuyên giáo Thành ủy Tây Ninh                                 | Chuyên viên về CT Tuyên giáo                                                                  |
| 6   | Luật                 | Thạc sĩ  | 4        | Sở Tư pháp                                                       | Trưởng phòng; Phó trưởng phòng; chuyên viên về xây dựng pháp luật; về hành chính tư pháp      |
| 7   | Luật                 | Thạc sĩ  | 2        | Thanh tra tỉnh                                                   | Thanh tra viên về công tác thanh tra; Thanh tra viên về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo |
| 8   | Luật Kinh tế         | Thạc sĩ  | 1        | Liên đoàn lao động tỉnh                                          | Chuyên viên về công tác Công đoàn                                                             |
| 9   | Quản lý kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Phòng Kinh tế và Hạ tầng, huyện Dương Minh Châu                  | Phó Trưởng phòng - phụ trách lĩnh vực công thương, khoa học và công nghệ                      |
| 10  | Quản lý kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Phòng Kinh tế và Hạ tầng, huyện Dương Minh Châu                  | Chuyên viên Phụ trách lĩnh vực Khoa học và công nghệ                                          |
| 11  | Quản lý Kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Hội Nông dân tỉnh Tây Ninh                                       | Chuyên viên công tác HND                                                                      |
| 12  | Quản lý Kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Văn phòng Huyện ủy Bến Cầu                                       | Chuyên viên Tổng hợp                                                                          |
| 13  | Quản lý Kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Ban Tuyên giáo Huyện ủy Dương Minh Châu                          | Chuyên viên Ban Tuyên giáo                                                                    |
| 14  | Quản lý Kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Văn phòng Tỉnh ủy                                                | Trưởng Phòng                                                                                  |
| 15  | Quản lý kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn - Sở NN&PTNT | Trưởng phòng Kế hoạch- Tài chính                                                              |
| 16  | Quản lý kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Đảng ủy Phường 2 - UBND tp Tây Ninh                              | Bí thư Đảng ủy phường                                                                         |
| 17  | Quản lý kinh tế      | Thạc sĩ  | 2        | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành NN và PTNT               | Kế toán                                                                                       |
| 18  | Quản lý Kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Hội đồng nhân dân tỉnh                                           | Phó trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh                                                  |
| 19  | Quản lý Kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Tân Biên                  | Quản lý về đầu tư                                                                             |
| 20  | Quản lý Kinh tế      | Thạc sĩ  | 1        | Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thành phố Tây Ninh              | Quản lý về đầu tư                                                                             |
| 21  | Tài chính            | Thạc sĩ  | 1        | Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tân Châu                      | Kế toán                                                                                       |
| 22  | Kế toán              | Thạc sĩ  | 1        | Sở Kế hoạch và Đầu tư                                            | Kế toán                                                                                       |
| 23  | Tài chính- Ngân hàng | Thạc sĩ  | 1        | Sở Y tế                                                          | Phòng TCKT, TTYT Thành phố TN                                                                 |



|    |                                                 |         |   |                                                                                   |                                                             |
|----|-------------------------------------------------|---------|---|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 24 | Văn thư - lưu trữ                               | Thạc sĩ | 1 | Văn phòng HĐND và UBND huyện DMC                                                  | Chuyên viên                                                 |
| 25 | Quản lý văn hóa                                 | Thạc sĩ | 1 | Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh, huyện DMC                            | Hành chính - Văn phòng                                      |
| 26 | Quản lý xây dựng                                | Thạc sĩ | 2 | Sở Xây dựng                                                                       | Thanh tra sở, Văn phòng sở                                  |
| 27 | Xã hội học                                      | Thạc sĩ | 1 | Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh                                                         | Phó Chánh Văn phòng - Tổ chức                               |
| 28 | Quản lý đất đai                                 | Thạc sĩ | 1 | Ban quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen                                       | Phó Trưởng Ban quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen      |
| 29 | Lâm học                                         | Thạc sĩ | 1 | Chi cục Kiểm lâm                                                                  | Kiểm lâm viên                                               |
| 30 | Chăn nuôi                                       | Thạc sĩ | 1 | Trung tâm Khuyến nông                                                             | Khuyến nông viên                                            |
| 31 | Công nghệ Thực phẩm                             | Thạc sĩ | 1 | Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn                               | Kỹ thuật nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn hạng III |
| 32 | Công nghệ thông tin                             | Thạc sĩ | 2 | Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh, Sở TTTT                                    | An toàn thông tin, Công nghệ thông tin                      |
| 33 | Hệ thống thông tin                              | Thạc sĩ | 1 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III           |
| 34 | Lưu trữ học                                     | Thạc sĩ | 1 | Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Tây Ninh - Sở Nội vụ                               | Lưu trữ viên                                                |
| 35 | Lịch Sử Việt Nam                                | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha, Sở Giáo dục và Đào tạo                           | Giáo viên THPT hạng III                                     |
| 36 | Lịch Sử Việt Nam                                | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Lê Quý Đôn, Sở Giáo dục và Đào tạo                                    | Giáo viên THPT Hạng II                                      |
| 37 | Quản lý giáo dục                                | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Lý Thường Kiệt, Sở Giáo dục và Đào tạo                                | Giáo viên THPT Hạng III                                     |
| 38 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học   | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Lý Thường Kiệt, Sở Giáo dục và Đào tạo                                | Giáo viên THPT Hạng III                                     |
| 39 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán      | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Quang Trung, Sở Giáo dục và Đào tạo                                   | Giáo viên THPT hạng III                                     |
| 40 | Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Anh    | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Tân Đông, Sở Giáo dục và Đào tạo                                      | Giáo viên THPT hạng III                                     |
| 41 | Lịch Sử Việt Nam                                | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Tân Hưng, Sở Giáo dục và Đào tạo                                      | Giáo viên THPT hạng III                                     |
| 42 | Lý luận và phương pháp dạy học                  | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Tân Hưng, Sở Giáo dục và Đào tạo                                      | Giáo viên THPT hạng III                                     |
| 43 | Văn học Việt Nam                                | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Nguyễn Trung Trực, Sở Giáo dục và Đào tạo                             | Giáo viên THPT Hạng III                                     |
| 44 | Giáo dục học                                    | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Nguyễn Trung Trực, Sở Giáo dục và Đào tạo                             | Giáo viên THPT Hạng II                                      |
| 45 | Toán Giải tích                                  | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Trần Phú, Sở Giáo dục và Đào tạo                                      | Giáo viên THPT hạng II                                      |
| 46 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Lương Thế Vinh, Sở Giáo dục và Đào tạo                                | Giáo viên THPT hạng III                                     |
| 47 | Hóa học hữu cơ                                  | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Nguyễn Chí Thanh, Sở Giáo dục và Đào tạo                              | Giáo viên THPT hạng III                                     |
| 48 | Văn học Việt Nam                                | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Tân Châu, Sở Giáo dục và Đào tạo                                      | Giáo viên THPT hạng III                                     |
| 49 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán      | Thạc sĩ | 1 | Trường THPT Lê Hồng Phong, Sở Giáo dục và Đào tạo                                 | Giáo viên THPT hạng III                                     |
| 50 | Quản lý giáo dục                                | Thạc sĩ | 1 | Trường THCS Lý Tự Trọng, thị xã Hòa Thành                                         | Phó Hiệu trưởng                                             |
| 51 | Quản lý giáo dục                                | Thạc sĩ | 1 | Trường THCS Lý Tự Trọng, thị xã Hòa Thành                                         | Giáo viên                                                   |
| 52 | Quản lý giáo dục                                | Thạc sĩ | 1 | Trường TH Lương Thế Vinh, thị xã Hòa Thành                                        | Giáo viên                                                   |

|    |                              |          |   |                                             |                                                                       |
|----|------------------------------|----------|---|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 53 | Quản lý giáo dục             | Thạc sĩ  | 1 | Trường TH Lê Lai, thị xã Hòa Thành          | Phó Hiệu trưởng                                                       |
| 54 | Quản lý giáo dục             | Thạc sĩ  | 1 | Trường THCS Nguyễn Văn Ân                   | Phó Hiệu trưởng                                                       |
| 55 | Văn học                      | Thạc sĩ  | 1 | Trường THCS Lý Tự Trọng, thị xã Hòa Thành   | Giáo viên                                                             |
| 56 | Văn học                      | Thạc sĩ  | 1 | Trường THCS Lý Tự Trọng, thị xã Hòa Thành   | Giáo viên                                                             |
| 57 | Văn học                      | Thạc sĩ  | 1 | Trường THCS Ngô Quyền, thị xã Hòa Thành     | Giáo viên                                                             |
| 58 | Giáo dục Tiểu học            | Thạc sĩ  | 1 | Trường TH Lê Lợi, thị xã Hòa Thành          | Giáo viên                                                             |
| 59 | Tiếng Anh                    | Thạc sĩ  | 1 | Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, thị xã Hòa Thành | Giáo viên                                                             |
| 60 | Mầm non                      | Thạc sĩ  | 1 | Trường MN Vành Khuyên, thị xã Hòa Thành     | Giáo viên                                                             |
| 61 | Mầm non                      | Thạc sĩ  | 1 | Trường MN Ban Mai, thị xã Hòa Thành         | Giáo viên                                                             |
| 62 | Toán                         | Thạc sĩ  | 1 | Trung tâm GDNN-GDTX, huyện DMC              | GV THPT Hạng III                                                      |
| 63 | Hoá học                      | Thạc sĩ  | 1 | Trung tâm GDNN-GDTX, huyện DMC              | GV THPT Hạng III                                                      |
| 64 | Điện quang và Y học hạt nhân | Thạc sĩ  | 1 | Sở Y tế                                     | Khoa Chẩn đoán hình ảnh, BVĐK Tây Ninh                                |
| 65 | Xét nghiệm Y học             | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Khoa Xét nghiệm - CDHA, Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng              |
| 66 | Xét nghiệm Y học             | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Viên chức Khoa Dược - VTYT - CLS, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh |
| 67 | Xét nghiệm Y học             | Thạc sĩ  | 1 | Sở Y tế                                     | Khoa Xét nghiệm, Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu                          |
| 68 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Phó trưởng phòng Điều dưỡng, BVĐK Tây Ninh                            |
| 69 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Điều dưỡng trưởng khoa PTGMHS, BVĐK Tây Ninh                          |
| 70 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại TQ, BVĐK Tây Ninh                        |
| 71 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Viên chức khoa Ngoại CTCH, BVĐK Tây Ninh                              |
| 72 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại TK, BVĐK Tây Ninh                        |
| 73 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Điều dưỡng trưởng khoa HSTCCĐ, BVĐK Tây Ninh                          |
| 74 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Viên chức khoa HSTCCĐ, BVĐK Tây Ninh                                  |
| 75 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Viên chức khoa HSTCCĐ, BVĐK Tây Ninh                                  |
| 76 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Viên chức khoa HSTCCĐ, BVĐK Tây Ninh                                  |
| 77 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Viên chức khoa HSTCCĐ, BVĐK Tây Ninh                                  |
| 78 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Điều dưỡng trưởng khoa Nhi, BVĐK Tây Ninh                             |
| 79 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Điều dưỡng trưởng khoa KSNK, BVĐK Tây Ninh                            |
| 80 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Khoa khám bệnh - LCK, Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu                     |
| 81 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Điều dưỡng trưởng Khoa nhi. TTYT huyện Tân Châu                       |
| 82 | Điều dưỡng                   | CK cấp I | 1 | Sở Y tế                                     | Điều dưỡng trưởng Khoa nội, TTYT huyện Tân Châu                       |



|                   |                         |          |            |         |                                                                          |
|-------------------|-------------------------|----------|------------|---------|--------------------------------------------------------------------------|
| 83                | Điều dưỡng              | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Khoa khám bệnh, Liên chuyên khoa, TTYT huyện Dương Minh Châu             |
| 84                | Điều dưỡng              | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức, Khoa YHCT - PHCN, Trung tâm Y tế huyện Tân Biên               |
| 85                | Điều dưỡng              | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Trưởng phòng Điều dưỡng, Trung tâm Y tế huyện Tân Biên                   |
| 86                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Khoa Dược - Vật tư Y tế - Cận Lâm sàng - bệnh viện Lao- BP               |
| 87                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Khoa Dược- BVĐK Tây Ninh                                                 |
| 88                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Phó Trưởng khoa Dược - TTYT huyện Bến Cầu                                |
| 89                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức khoa Dược - TTYT huyện Bến Cầu                                 |
| 90                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế, TTYT huyện Châu Thành          |
| 91                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Phó khoa Dược, TTYT huyện Tân Châu                                       |
| 92                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức Khoa dược -TTB, TTYT huyện Dương Minh Châu                     |
| 93                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức Khoa dược -TTB, TTYT huyện Dương Minh Châu                     |
| 94                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức, Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. |
| 95                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức, Khoa Dược - TTB - VTYT, Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng.     |
| 96                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức, Khoa Dược - TTB - VTYT, Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng.     |
| 97                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Phó trưởng Khoa Dược - TTB - VTYT, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành.      |
| 98                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức, Khoa Dược - TTB - VTYT, Trung tâm Y tế huyện Tân Biên         |
| 99                | Dược lý - Dược lâm sàng | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức, Khoa Dược - TTB - VTYT, Trung tâm Y tế huyện Tân Biên         |
| 100               | Phục hồi chức năng      | CK cấp I | 1          | Sở Y tế | Viên chức Khoa YHCT - PHCN, Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng             |
| <b>TỔNG CỘNG:</b> |                         |          | <b>221</b> |         |                                                                          |

(1) Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

(2) Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa X, kỳ họp thứ 6 về Chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Tây Ninh.

**DANH MỤC LĨNH VỰC, NHÓM NGÀNH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh)

| STT | Lĩnh vực                                 | Chuyên ngành                                                                                                                                          | Chỉ tiêu | Trình độ                                    | Cơ quan/ đơn vị trực thuộc                                                                                                                                                                    | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Văn hóa, thể thao, du lịch (27 chỉ tiêu) | Bảo tàng học, Quản lý Di sản văn hoá, Văn hoá học, Quản lý văn hoá                                                                                    | 2        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                                               |         |
|     |                                          | Quản lý thể dục thể thao, Giáo dục học (lĩnh vực thể dục thể thao)                                                                                    | 2        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                                               |         |
|     |                                          | Du lịch, Văn hoá du lịch, Quản lý du lịch, Quản trị khách sạn, Kinh tế du lịch, Truyền thông và marketing du lịch, Quan hệ công chúng và truyền thông | 2        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                                                               |         |
|     |                                          | Thể dục thể thao                                                                                                                                      | 15       | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ/chuyên gia | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                                                                                    |         |
|     |                                          | Quản lý văn hóa                                                                                                                                       | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Bảo tàng tỉnh                                                                                                                                                                                 |         |
|     |                                          | Bảo tàng học                                                                                                                                          | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Bảo tàng tỉnh                                                                                                                                                                                 |         |
|     |                                          | Du lịch, Văn hoá                                                                                                                                      | 2        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | - Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh Tây Ninh - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;<br>- Phòng Văn hóa và Thông tin - UBND thành phố Tây Ninh                                                       |         |
|     |                                          | Quản lý văn hoá, Di sản văn hoá, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Lịch sử, Bảo tàng học.                                                 | 2        | ĐH (chính quy loại giỏi)                    | Ban quản lý các khu Di tích lịch sử cách mạng miền Nam                                                                                                                                        |         |
| 2   | Nông nghiệp (01 chỉ tiêu)                | Khoa học cây trồng; Chăn nuôi                                                                                                                         | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Trung tâm Khuyến nông                                                                                                                                                                         |         |
| 3   | Kinh tế - Tài chính (05 chỉ tiêu)        | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                 | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Sở Tài chính                                                                                                                                                                                  |         |
|     |                                          | Tài chính công, Quản lý công                                                                                                                          | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Văn phòng Đoàn ĐBQH& HĐND tỉnh                                                                                                                                                                |         |
|     |                                          | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                   | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh Tây Ninh                                                                                                                                                      |         |
|     |                                          | Kinh tế phát triển và Thống kê, Kinh tế kế hoạch đầu tư                                                                                               | 2        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                                                                                                                         |         |
| 4   | Khoa học công nghệ (07 chỉ tiêu)         | Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm                                                                                                                | 6        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Văn phòng Đoàn ĐBQH& HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND thành phố Tây Ninh; Văn phòng HĐND và UBND huyện Gò Dầu; Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh Tây Ninh; Sở Công Thương |         |
|     |                                          | Công nghệ thực phẩm                                                                                                                                   | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Phòng Kinh tế - UBND Thị xã Trảng Bàng (Quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường)                                                                                                |         |
| 5   | Xây dựng, Quản lý đô thị (04 chỉ tiêu)   | Khoa học năng lượng và môi trường                                                                                                                     | 1        | Tiến sĩ                                     | Sở Giao thông vận tải                                                                                                                                                                         |         |
|     |                                          | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông                                                                                                               | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Sở Giao thông vận tải                                                                                                                                                                         |         |
|     |                                          | Kiến trúc, đô thị                                                                                                                                     | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Phòng Quản lý đô thị - UBND thành phố Tây Ninh                                                                                                                                                |         |
|     |                                          | Kỹ sư xây dựng; Kiến trúc sư                                                                                                                          | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ            | Phòng Kinh tế và Hạ tầng - UBND huyện Bến Cầu                                                                                                                                                 |         |



| STT        | Lĩnh vực                                | Chuyên ngành                                                                                                                                                                                 | Chỉ tiêu | Trình độ                         | Cơ quan/ đơn vị trực thuộc                                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 6          | Quản lý hành chính; Luật (09 chỉ tiêu)  | Luật; Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính; Chính sách công; Hành chính công; Quản lý công                                                                                                   | 2        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ | Văn phòng UBND tỉnh                                                                                                                                                                                             |         |
|            |                                         | Kinh tế chính trị                                                                                                                                                                            | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ | Trường Chính trị                                                                                                                                                                                                |         |
|            |                                         | Luật                                                                                                                                                                                         | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ | UBND huyện Gò Dầu                                                                                                                                                                                               |         |
|            |                                         | Luật; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Công tác thanh thiếu niên; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Chính trị học; Xã hội học                                                      | 2        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ | Thành Đoàn Tây Ninh                                                                                                                                                                                             |         |
|            |                                         | Luật; Hành chính học; Quản lý nhà nước; Hành chính công; Quản lý công                                                                                                                        | 2        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ | Sở Nội vụ                                                                                                                                                                                                       |         |
|            |                                         | Luật; Xã hội học; Tôn giáo học                                                                                                                                                               | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ |                                                                                                                                                                                                                 |         |
| 7          | Công tác thanh thiếu niên (01 chỉ tiêu) | Giáo dục, Khoa học chính trị, Khoa học xã hội và nhân văn, Kinh tế (tài chính kế toán), Khoa học công nghệ, Quản lý công, Chính sách công, Tài nguyên -Môi trường, Công tác thanh thiếu niên | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ | Tinh Đoàn                                                                                                                                                                                                       |         |
| 8          | Y tế (47 chỉ tiêu)                      | Dược, Bác sĩ y tế công cộng                                                                                                                                                                  | 1        | ĐH (chính quy loại giỏi)/thạc sĩ | UBND huyện Gò Dầu                                                                                                                                                                                               |         |
|            |                                         | Bác sĩ                                                                                                                                                                                       | 23       | ĐH (chính quy)                   | TTYT huyện Dương Minh Châu (3)<br>TTYT huyện Tân Biên (4)<br>TTYT thị xã Hoà Thành (2)<br>TTYT huyện Gò Dầu (10)<br>TTYT huyện Châu Thành (2)<br>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (02)                              |         |
|            |                                         | Bác sĩ                                                                                                                                                                                       | 23       | Chuyên khoa cấp I/ thạc sĩ       | TTYT huyện Gò Dầu (3)<br>TTYT huyện Tân Biên (1)<br>TTYT thị xã Trảng Bàng (5)<br>TTYT huyện Châu Thành (2)<br>Bệnh viện Đa khoa tỉnh (4)<br>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (6)<br>Trung tâm Giám định v khoa (2) |         |
| TỔNG CỘNG: |                                         |                                                                                                                                                                                              | 101      |                                  |                                                                                                                                                                                                                 |         |

\* Đối tượng và Điều kiện thu hút nguồn nhân lực theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa X, kỳ họp thứ 6 về Chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Tây Ninh.